

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 7 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Tảo, bà Trịnh Thị Hồng Thắm.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Ngày 25/7/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2024/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: **Thôn P, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định.**

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: **Thôn P, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định.**

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị **T**, anh **Đ** (Chị **T**, anh **Đ** có đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị **Trần Thị T** trình bày: Chị và anh **Nguyễn Văn Đ** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định ngày 01/01/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không tìm được tiếng nói chung, hay bất đồng quan điểm nên quan hệ vợ chồng luôn căng thẳng. Chị **T** đã chủ động sống ly thân với anh **Đ**. Chị xác định tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định giải quyết ly hôn với anh **Nguyễn Văn Đ**.

Về con chung: Chị và anh **Đ** có 01 con chung là cháu **Nguyễn Đại P**, sinh ngày 17/8/2015. Chị **T** có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, không yêu

cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, giấy triệu tập anh Đ đến làm việc, anh Đ cho biết: Anh và chị Trần Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định ngày 01/01/2015. Trong quá trình chung sống, anh chị có lúc bất đồng quan điểm, ai cũng có sai, cái tôi cá nhân nhưng phải biết nhận lỗi và cùng nhau sửa chữa. Anh mong muốn vợ chồng cùng yêu thương con và mỗi người phải cùng nhau cố gắng, hiện nay cả hai đều đã lớn tuổi, việc ly hôn sẽ ảnh hưởng tới con chung và công việc hiện tại của hai vợ chồng. Anh có quan điểm không đồng ý ly hôn, mong muốn có thêm thời gian để vợ chồng có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ, nếu hạnh phúc không cải thiện thì đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Giữa anh và chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Đại P, sinh ngày 17/8/2015. Trường hợp chị T kiên quyết xin ly hôn anh có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Trong đơn trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Đại P, sinh ngày 17/8/2015 trình bày nguyện vọng xin được ở cùng chị Trần Thị T.

4. Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc chị T và anh Đ không thống nhất được nội dung vụ án nên Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 24/7/2024, anh Đ có đơn gửi Tòa án đề nghị giải quyết vắng mặt. Trong đơn anh trình bày quan điểm đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung: Anh đồng ý để con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh không đề nghị giải quyết. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Chị T, anh Đ đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của Chị T, anh Đ đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị **T**, anh **Đ** đều có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 233, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Thị T** và anh **Nguyễn Văn Đại tự n** đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 01/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã **Y**, huyện **Ý**, tỉnh **Nam Định**. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa anh, chị không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, hay xảy ra va chạm dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị **T** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên kiên quyết xin ly hôn với anh **Đ**. Về phía anh **Đ**, anh cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng phù hợp như lời khai của chị **T**. Anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, chị **T** kiên quyết xin ly hôn thì anh nhất trí ly hôn với chị **T**. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chị **T** vẫn kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nên Tòa án không thể hàn gắn tình cảm cho anh, chị được. Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị **T**, anh **Đ**, xử cho anh, chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị **T** và anh **Đ** có 01 con chung là cháu **Nguyễn Đại P**, sinh ngày 17/8/2015. Việc chăm sóc, nuôi dạy con chung chưa thành niên là trách nhiệm, nghĩa vụ, là quyền lợi của cha mẹ. Xét thấy, chị **T** và anh **Đ** thống nhất việc để chị **T** là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, hơn nữa nguyện vọng của con chung mong muốn được ở cùng chị **T**. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần ghi nhận sự thống nhất của anh, chị giao con chung cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng để con chung được phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần. Ghi nhận sự tự nguyện của chị **T**, anh **Đ** về việc không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị **T**, anh **Đ** không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc chị **T** phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị **Trần Thị T** và anh **Nguyễn Văn Đ**.

2. Về con chung: Giao con chung cháu **Nguyễn Đại P**, sinh ngày 17/8/2015 cho chị **Trần Thị T** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **Đ** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị **Trần Thị T** phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm Đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003596, ngày 17/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị **T** đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị **Trần Thị T**, anh **Nguyễn Văn Đ** vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Cường;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Ngọc Bích